

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 57/2022/HS-ST
Ngày 08-7-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Sỹ Quyền

2. Bà Hoàng Thị Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HS ngày 23/6/2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng T - Sinh năm 1992

Tên gọi khác: Nguyễn Trọng T

Nơi cư trú: Thôn NL, xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Trọng C và bà Phạm Thị B.

Tiền án: 02

- Ngày 23/10/2018 bị TAND huyện Q, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 21/08/2020 bị TAND huyện Q, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

(Ngày 26/8/2021 Nguyễn Trọng T chấp hành xong hình phạt của cả hai Bản án này. Chưa được xoá án tích.)

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 04/04/2022 đến ngày 07/04/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Trần Văn Đ - SN 1986 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn 7, xã QT, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền mua ma túy sử dụng nên, Nguyễn Trọng T nảy sinh ý định đến các gia đình quen biết hỏi mượn xe mô tô rồi mang đi cầm cố hoặc bán lấy tiền mua ma túy. Khoảng 21h ngày 30/03/2022, T đi bộ từ nhà ở thôn NL, xã L, huyện Q đến quán ăn đêm của anh Trần Văn Đ (SN 1986 ở thôn 7, xã Quảng T, huyện Q) thì thấy chiếc xe mô tô BKS 63B2-620.51 của anh Đ đang dựng ở sân, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên để bán lấy tiền. T đi vào trong quán, gặp T, anh Đ hỏi “Em ăn gì”, T liền nói dối “Em đang còn mấy đứa bạn nữa, anh cho em mượn cái xe đi đón bạn em đến ăn luôn”. Do có quen biết với T và tin lời T nói nên anh Đ đồng ý và nói “Xe anh đang để ở sân em lấy mà đi”. T liền đi lại dắt chiếc xe mô tô BKS 63B3-620.51 của anh Đ ra đường, nổ máy và chạy thẳng đến khu vực cầu QN, TP Thanh Hóa. Tại đây T gặp và bán chiếc xe mô tô của anh Đ cho một người đàn ông không quen biết với giá 900.000 đồng. Số tiền bán xe T mua ma túy sử dụng hết.

Anh Đ sau khi cho mượn xe, không thấy T quay lại trả nên đã đến nhà T tìm nhưng T không có ở nhà, sau đó anh đã báo cáo vụ việc đến Công an xã QT để giải quyết. Công an xã QT đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Công an huyện Q để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 04/04/2022, Nguyễn Trọng T đã đến công an huyện Q đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội như trên của mình.

Theo báo cáo của anh Trần Văn Đ, tài sản anh bị chiếm đoạt là 01 chiếc xe mô tô BKS 63B2-620.51 của anh mua năm 2018 (mua của anh Lê Nguyễn Trường A ở TP, xã TH, thị xã CL, Tiền Giang, có giấy tờ mua bán với giá 6.000.000 đồng). Ngày 14/4/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q định giá chiếc xe mô tô BKS 63B2-620.51 trị giá 4.350.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã ra quyết định truy tìm chiếc xe trên nhưng không tìm thấy. Anh Trần Văn Đ cũng không yêu cầu Nguyễn Trọng T phải bồi thường lại chiếc xe cho anh cũng như không có yêu cầu đề nghị khác về dân sự.

Đối với người đàn ông mua chiếc xe mô tô do T chiếm đoạt được, quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để xử lý.

Tại bản cáo trạng số 64/Ctr-VKSQX ngày 23/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm

sát nhân dân huyện Q giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 04/4/2022.

Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động tự do không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, vì vậy đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Phản tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tự bào chữa và tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Do không có tiền mua ma túy sử dụng nên vào khoảng 21 giờ ngày 30/3/2022, bị cáo đã dùng thủ đoạn nói dối anh Trần Văn Đ là mượn xe mô tô BKS 63B2-620.51 của anh Đ để đi đón bạn nhưng thực chất bị cáo lại lấy xe của anh Đ để mang đi bán được 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) lấy tiền mua ma túy sử dụng.

Ngày 14/4/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q định giá chiếc xe mô tô BKS 63B2-620.51 trị giá 4.350.000 đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm:

Với mục đích để có tiền mua ma túy sử dụng. Bị cáo T dùng thủ đoạn gian dối với anh Đ để chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn Đ một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội.

Bị cáo có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan công an để đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô BKS 63B2-620.51 bị cáo T bán cho người đàn ông không quen biết, không xác định được tên tuổi địa chỉ, cơ quan điều tra đã truy tìm vật chứng nhưng không thấy.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điểm d khoản 2 Điều 174; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Điều 6; Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Trọng T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 04/04/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Trần Văn Đ không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn Đ (là người bị hại vắng mặt tại phiên toà) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Q;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Trại tạm giam công an T.Thanh Hoá;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Q;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Huyền